

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2015

Tháng 9 năm 2015

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	8	482	503	21	12.870	270.270	
2	102	8	594	613	19	12.870	244.530	
3	103	8	932	957	25	12.870	321.750	
4	104	8	553	567	14	12.870	180.180	
5	105	8	965	978	13	12.870	167.310	
6	106	8	830	875	45	12.870	579.150	
7	107	PSHC				12.870	0	
8	108					12.870	0	
9	109	8	937	958	21	12.870	270.270	
10	110	8	667	694	27	12.870	347.490	
11	111	8	774	799	25	12.870	321.750	
12	112	8	894	913	19	12.870	244.530	
13	113	8	892	906	14	12.870	180.180	
14	114	8	920	936	16	12.870	205.920	
15	201	8	1.184	1.216	32	12.870	411.840	
16	202	2 Lào	941	959	18	12.870	231.660	
17	203	4 Lào	1.130	1.158	28	12.870	360.360	
18	204	8	719	742	23	12.870	296.010	
19	205	8	976	995	19	12.870	244.530	
20	206	8	939	961	22	12.870	283.140	
21	207	8	990	1.018	28	12.870	360.360	
22	208	1 CPC	684	714	30	12.870	386.100	
23	209	8	932	964	32	12.870	411.840	
24	210	4 CPC	1.444	1.474	30	12.870	386.100	
25	211	8	1.128	1.162	34	12.870	437.580	
26	212	2 CPC	840	854	14	12.870	180.180	
27	213	8	1.095	1.125	30	12.870	386.100	
28	214	8	634	654	20	12.870	257.400	
29	301	4 Lào	732	747	15	12.870	193.050	
30	302	8	908	940	32	12.870	411.840	
31	303	8	859	880	21	12.870	270.270	
32	304	8	911	948	37	12.870	476.190	
33	305	8	704	719	15	12.870	193.050	
34	306	8	816	831	15	12.870	193.050	
35	307	PSHC				12.870	0	
36	308					12.870	0	
37	309	8	810	833	23	12.870	296.010	
38	310	8	820	840	20	12.870	257.400	

39	311	8		1.002	1.029	27	12.870	347.490	
40	312	8		783	808	25	12.870	321.750	
41	313	8		729	750	21	12.870	270.270	
42	314	8		927	959	32	12.870	411.840	
43	401	8		653	666	13	12.870	167.310	
44	402	8		740	770	30	12.870	386.100	
45	403	8		768	791	23	12.870	296.010	
46	404	8		540	557	17	12.870	218.790	
47	405	8		616	629	13	12.870	167.310	
48	406	8		675	697	22	12.870	283.140	
49	407	8		664	686	22	12.870	283.140	
50	408	8		602	642	40	12.870	514.800	
51	409	3	Lào	842	862	20	12.870	257.400	
52	410	8		703	731	28	12.870	360.360	
53	411	8		17	27	10	12.870	128.700	
54	412	8		764	787	23	12.870	296.010	
55	413	5		607	618	11	12.870	141.570	
56	414	8		630	694	64	12.870	823.680	
57	501	8		457	471	14	12.870	180.180	
58	502	7		356	366	10	12.870	128.700	
59	503	8		386	402	16	12.870	205.920	
60	504	8		504			12.870	0	
61	505	6		561			12.870	0	
62	506	7		514	532	18	12.870	231.660	
63	507	7		526	527	1	12.870	12.870	
64	508	8		586	593	7	12.870	90.090	
65	509	8		489	499	10	12.870	128.700	
66	510	8		394	410	16	12.870	205.920	
67	511	7		413			12.870	0	
68	512	8		465	472	7	12.870	90.090	
69	513	8		650	675	25	12.870	321.750	
70	514	8		613	632	19	12.870	244.530	
	Cộng	483				1.381		17.773.470	

(Bảng chữ: Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà